

Số: 14/2025/QĐ-UBND

Bình Phước, ngày 28 tháng 02 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Quy định các trường hợp không có tính khả thi và mức độ khôi phục lại
tình trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm đối với các hành vi
hủy hoại đất trên địa bàn tỉnh Bình Phước**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và
Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm
2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy
phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 20 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành
chính ngày 13 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 18 tháng 01 năm 2024;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số
31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động
sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày
29 tháng 6 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của
Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 123/2024/NĐ-CP ngày 04 tháng 10 năm 2024 của
Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số
57/TTr-STNMT ngày 21 tháng 02 năm 2025 (kèm theo Phiếu ghi ý kiến cuộc
họp ngày 28/02/2025 của UBND tỉnh).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định các trường hợp không có tính khả thi và mức độ
khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm đối với các hành vi
hủy hoại đất được quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 14 Nghị định số
123/2024/NĐ-CP ngày 04/10/2024 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm
hành chính trong lĩnh vực đất đai (gọi tắt là Nghị định số 123/2024/NĐ-CP) trên
địa bàn tỉnh Bình Phước.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Tổ chức, cá nhân có hành vi hủy hoại đất quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 14 Nghị định số 123/2024/NĐ-CP xảy ra trên địa bàn tỉnh Bình Phước (trừ trường hợp Điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên có quy định khác), gồm:

a) Cá nhân trong nước, người Việt Nam định cư ở nước ngoài là công dân Việt Nam, cá nhân nước ngoài, người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài (sau đây gọi là cá nhân);

b) Hộ gia đình, cộng đồng dân cư (bị xử phạt như đối với cá nhân vi phạm);

c) Tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài, tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc.

2. Cơ quan, người có thẩm quyền xử phạt và tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai.

Điều 3. Các trường hợp không có tính khả thi để khôi phục lại tình trạng ban đầu trước khi vi phạm của đất bị hủy hoại

1. Các trường hợp không thể khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm theo mức độ khôi phục được quy định tại Điều 4 của Quyết định này là các trường hợp không có tính khả thi để khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm, cụ thể:

a) Đối với hành vi làm suy giảm chất lượng đất: Các trường hợp vi phạm mà trên thực tế không thể áp dụng được các biện pháp để đưa diện tích đất vi phạm trở lại chất lượng đất như ban đầu hoặc tương đương mà đảm bảo khả năng sử dụng đất như ban đầu theo mục đích đã được xác định.

b) Đối với hành vi làm biến dạng địa hình: Trường hợp vi phạm không thể áp dụng được các biện pháp để đưa diện tích đất bị vi phạm trở lại có độ cao, độ dốc như ban đầu hoặc tương đương mà đảm bảo khả năng sử dụng đất như ban đầu theo mục đích đã được xác định.

2. Việc xử lý đối với các trường hợp không có tính khả thi để khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm được thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 14 Nghị định số 123/2024/NĐ-CP ngày 04/10/2024 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai.

3. Các trường hợp không có tính khả thi để khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm thì phải thực hiện các biện pháp để đưa toàn bộ diện tích đất vi phạm về trạng thái an toàn, đảm bảo không gây nguy hiểm cho người sử dụng đất và không ảnh hưởng đến việc sử dụng đất của các thửa đất liền kề.

Điều 4. Mức độ khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất bị hủy hoại

1. Đối với các trường hợp làm suy giảm chất lượng đất mà làm mất hoặc giảm khả năng sử dụng đất theo mục đích đã được xác định:



a) Trường hợp làm mất hoặc giảm độ dày tầng đất đang canh tác thì buộc thực hiện các giải pháp để khôi phục lại độ dày tầng đất canh tác như tình trạng ban đầu trước khi vi phạm hoặc tương đương với các thửa đất liền kề có cùng mục đích sử dụng đất. Loại đất sử dụng để khôi phục tầng đất canh tác phải là loại đất ban đầu đã lấy đi hoặc sử dụng các loại đất khác có chất lượng bằng hoặc tốt hơn;

b) Trường hợp làm thay đổi lớp mặt của đất sản xuất nông nghiệp bằng các loại vật liệu, chất thải hoặc đất lèn cát, sỏi, đá hay loại đất có thành phần khác với loại đất đang sử dụng thì buộc phải thực hiện các giải pháp để loại bỏ các loại vật liệu, chất thải hoặc đất lèn cát, sỏi, đá hay loại đất có thành phần khác ra khỏi lớp đất mặt, đảm bảo khôi phục lớp đất mặt như tình trạng ban đầu trước khi vi phạm hoặc tương đương với các thửa đất liền kề có cùng mục đích sử dụng đất;

c) Trong trường hợp gây bạc màu, gây xói mòn, rửa trôi đất nông nghiệp thì buộc thực hiện các giải pháp chống xói mòn, rửa trôi và cải tạo đất để khôi phục tình trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm hoặc đảm bảo chất lượng đất tương đương với các thửa đất liền kề có cùng mục đích sử dụng đất.

2. Đối với các trường hợp làm biến dạng địa hình mà làm mất hoặc giảm khả năng sử dụng đất theo mục đích đã được xác định (trừ trường hợp chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi trên đất trồng lúa sang trồng lúa kết hợp nuôi trồng thủy sản, xây dựng công trình phục vụ trực tiếp sản xuất nông nghiệp trên đất trồng lúa, cải tạo đất nông nghiệp thành ruộng bậc thang và hình thức cải tạo đất khác phù hợp với mục đích sử dụng đất được giao, được thuê, được công nhận quyền sử dụng đất hoặc phù hợp với dự án đầu tư đã được Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền giao đất, cho thuê đất phê duyệt hoặc chấp thuận):

a) Trường hợp thay đổi độ dốc bề mặt đất; hạ thấp bề mặt đất thì buộc phải thực hiện các giải pháp để khôi phục độ dốc, độ cao bề mặt đất như tình trạng ban đầu trước khi vi phạm và cải tạo đất để khôi phục khả năng sử dụng theo mục đích đã được xác định ban đầu. Việc khôi phục độ dốc, độ cao bề mặt đất phải đảm bảo sử dụng loại đất tương đồng với loại đất ban đầu hoặc đảm bảo khả năng sử dụng đất như mục đích ban đầu đã được xác định;

b) Trường hợp san lấp đất có mặt nước chuyên dùng (trừ hồ thủy lợi) hoặc san lấp nâng cao, hạ thấp bề mặt của đất sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản thì buộc phải thực hiện thu hồi toàn bộ vật liệu đã san lấp, khôi phục lại bề mặt đất như tình trạng ban đầu trước khi vi phạm và cải tạo đất để khôi phục khả năng sử dụng theo mục đích đã được xác định ban đầu.

3. Việc khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này phải đảm bảo không gây ảnh hưởng đến môi trường xung quanh và việc sử dụng đất của các thửa đất liền kề, đồng thời phải tuân thủ đúng quy định của Luật Đất đai và các quy định pháp luật khác có liên quan, không được lợi dụng việc khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất để thực hiện các hành vi trái pháp luật.



Điều 5. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 3 năm 2025.
2. Quyết định này thay thế Quyết định số 02/2019/QĐ-UBND ngày 24 tháng 01 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quy định về mức độ khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất đối với từng hành vi vi phạm quy định tại Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2016 của Chính phủ trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

Điều 6. Tổ chức thực hiện

Các ông, bà: Chánh văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường; Thủ trưởng các Sở, Ban, ngành; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Bộ Tư pháp;
- Cục Kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy (báo cáo);
- Thường trực HĐND tỉnh (báo cáo);
- UBNDTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Tòa án nhân dân tỉnh;
- Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh;
- Như Điều 6;
- Trung tâm Phục vụ hành chính công;
- LĐVP, Phòng: KT, NC, TH, KGVX;
- Lưu: VT (Đ.Thắng TNMT QĐPPL 07).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Trần Tuệ Hiền

